TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H1phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018.
"V/v tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Thiện Hoàng.
- *Các hội thâm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Đức Thủy.
2. Bà Mai Thị Cẩm Hoa.
- *Thư ký phiên toà:* Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tH1m gia phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử công khai vụ án thụ lý số: 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thu H, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Thôn TH, xã TA, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông.
(Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Bị đơn: Anh Đoàn Đức H1, sinh năm: 1976.
Nơi ĐKHKTT: Thôn TH, xã TA, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông.
Nơi ở hiện nay: Thôn TT, xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/7/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh anh H1kết hôn với nhau vào ngày 17/9/2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là

hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Từ khi kết hôn đến năm 2005, 2006 vợ chồng chung sống hòa hạnh phúc. Tháng 2/2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, liên tục sảy ra cãi vã nguyên nhân là do anh H1không có trách nhiệm với gia đình vợ con, một mình chị H phải gánh vác việc gia đình và con cái. Đến đầu năm 2008 vợ chồng sống ly thân và đến cuối năm 2009 vì thương con cái chị đã quay lại sống chung nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục sảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến liên tục sảy ra cãi vã sung đột. Tháng 6/2018 anh H1cùng con gái là cháu Đoàn Quỳnh Chi đã về quê nhà của bố mẹ đẻ anh H1tại thôn TT, xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở để ép buộc chị H phải theo về quê nhưng chị H không đồng ý, Vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ, chị cương quyết xin được ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H xác định vợ chồng có ba con chung là Đoàn Vân H, sinh ngày 15/7/2002, Đoàn Quỳnh Ch, sinh ngày 07/8/2007 và Đoàn Gia H, sinh ngày 04/01/2013. Hiện nay cháu H và cháu H đang ở cùng chị còn cháu Ch hiện nay đang ở cùng anh H1. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đoàn Vân H và Đoàn Gia H, còn cháu Đoàn Quỳnh Ch để anh H1trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu anh H1phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn: Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2018 anh H1trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân, về con chung, về tài có tài sản, nợ chung như chị H xác định là đúng, anh không có gì bổ sung thêm. Về mâu thuẫn vợ chồng là do trong cách ăn ở sinh hoạt và trong nuôi dạy con cái, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống,luôn sảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, xúc phạm nhau đến tháng 6/2018 anh và cháu Đoàn Quỳnh Ch đã về nhà bố mẹ đẻ của anh tại thôn TT, xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó. Từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm hay hỏi thăm gì đến nhau nữa, chị H xác định tình

cảm vợ chồng không còn, những mâu thuẫn không thể hòa giải được, làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung của vợ chồng như chị H trình bày là đúng, vợ chồng có ba con chung là Đoàn Vân H, sinh ngày 15/7/2002, Đoàn Quỳnh Ch, sinh ngày 07/8/2007 và Đoàn Gia H, sinh ngày 04/01/2013. Hiện nay cháu H và cháu Huy đang ở cùng chị H còn cháu Ch hiện nay đang ở cùng anh. Ly hôn anh đồng ý để chị H được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung H và H, còn anh trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ch cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh H1xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: anh H1xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, việc cấp giao tống đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh H1; Về con chung để chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đoàn Vân H, sinh ngày 15/7/2002 và Đoàn Gia H, sinh ngày 04/01/2013, cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu, anh H1trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đoàn Quỳnh Ch, sinh ngày 07/8/2007 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu; Về tài sản chung chị H, anh H1tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức không có vì vậy không đặt ra xem xét, giải
quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng, ủy thác thu thập chứng cứ, lấy lời khai nhưng không tiến hành hòa giải được. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" đã được Tòa án nhân dân huyện huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông thụ lý nhưng trong quá trình giải quyết bị đơn anh H1cư trú tại xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông đã chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Đ để giải quyết theo đúng thẩm quyền và theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận được hồ sơ của Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông, Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành thụ lý giải quyết và xác định bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Dương Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án xét xử vắng chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị H, ý kiến anh H1thấy rằng:

Chị H và anh H1kết hôn với nH1u vào ngày 17/9/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương có giấy đăng ký kết, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã QK, huyện Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau có thời gian H1phúc, có con chung. Năm 2007 đã phát sinh mâu thuẫn trong ăn ở sinh hoạt, anh H1ít quan tâm đến gia đình vợ con, một mình chị H1phải gánh vác việc gia đình dẫn đến vợ chồng sảy ra xô xát, cãi vã, năm 2009 vợ chồng đã sống ly thân một thời gian ngắn sau đó vì thương các con chị H đã quay lại chung sống với anh H1nhưng vẫn tiếp tục sảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn với anh H1của chị H là phù hợp. Căn

cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị H được ly hôn anh H1.

- *Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung xét thấy:*

Chị H và anh H1có ba con chung là Đoàn Vân H, sinh ngày 15/7/2002, Đoàn Quỳnh Ch, sinh ngày 07/8/2007 và Đoàn Gia H, sinh ngày 04/01/2013, chị H, anh H1hiện nay đều có thu nhập ổn định và có nguyện vọng được nuôi con, chị H có nguyện vọng xin được nuôi H1i con là cháu Đoàn Vân H, sinh ngày 15/7/2002 và Đoàn Gia H, sinh ngày 04/01/2013, anh H1có nguyện vọng xin được nuôi con là cháu Đoàn Quỳnh Ch, sinh ngày 07/8/2007 và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng xin được nuôi con của chị H và anh H1. Chị H được nuôi cháu Đoàn Vân H, sinh ngày 15/7/2002 và Đoàn Gia H, sinh ngày 04/01/2013, anh H1được nuôi cháu Đoàn Quỳnh Ch, sinh ngày 07/8/2007.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Việc yêu cầu hoặc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là quyền của người trực tiếp nuôi dưỡng, đây là nghĩa vụ của cH1 mẹ không phụ thuộc vào người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không với mục đích nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. Chị H, anh H1tự nguyện không yêu cầu phía bên bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị H, anh H1, vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị H và anh H1xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị H và anh H1xác định không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Dương Thị Thu H phải chịu dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thu H được ly hôn anh Đoàn Đức H1.

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đoàn Vân H, sinh ngày 15/7/2002 và Đoàn Gia H, sinh ngày 04/01/2013, giao anh H1trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đoàn Quỳnh Ch, sinh ngày 07/8/2007 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H và anh H1do chị H, anh H1tự nguyện không yêu cầu và được chị H, anh H1đồng ý.

3. Về tài sản chung: Chị Dương Thị Thu H và anh Đoàn Đức H1xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Dương Thị Thu H và anh Đoàn Đức H1xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị Thu H phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002576 ngày 10/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục TH1DS huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- UBND xã QK;
- lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng